Ngày soạn: TUẦN 2 TIẾT 1,2

08 - 09 - 24

**BÀI MỞ ĐẦU**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Phát triển năng lực tự học thông qua việc tự đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà; tích cực, chủ động trong tìm hiểu bài học.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

**1.2. Năng lực đặc thù: năng lực ngôn ngữ và văn học**

- Nhận biết được nội dung cơ bản của SGK Ngữ văn 8 .

- Biết được cấu trúc và các bài học trong sách Ngữ văn 8.

- Nêu được những suy nghĩ cảm xúc riêng của bản thân .

- Biết cách sử dụng sách Ngữ văn 8

**2. Phẩm chất:**

-  Bài học góp phần bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm với việc học tập của bản thân và tinh thần hợp tác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính, bảng phụ. SGK

**2. Học liệu:** SGK **,** Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức.**

1. **Kiểm tra sự chuẩn bị của HS.**
2. **Bài mới.**

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1**. Hoạt động 1:** **Khởi động**

**b. Nội dung:** Học sinh trả lời cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời thể hiện sự hiểu biết của HS

**d. Tổ chức hoạt động:** GV nêu câu hỏi gieo vấn đề- HS trả lời cá nhân.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**

GV chiếu vi deo giới thiệu sách Ngữ văn 9 yêu cầu học sinh lắng nghe và trả lời câu hỏi:

Chương trình Ngữ văn 6,7,8 đã giúp em phát triển những năng lực, phẩm chất nào? Em mong muốn gì trong việc học tập bộ môn Ngữ văn 9?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS lắng nghe, suy nghĩ nội dung câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS báo cáo kết quả trả lời câu hỏi

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV dẫn dắt, giới thiệu bài mới:

Các em thân mến! Các em đã có cơ hội làm quen và học tập theo phương pháp mới về môn học Ngữ văn. Bởi vậy, chúng ta đều biết để học tốt môn học này thì trước hết các em phải có cái nhìn khái quát về những gì được học trong môn học đó. Bài học mở đầu hôm nay sẽ giúp các em tìm hiểu và khám phá những nội dung cơ bản có trong cuốn sách thú vị này nhé!

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức.**

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được nội dung cơ bản về sách giáo khoa Ngữ văn lớp 9.

- Biết được cấu trúc SGK và cấu trúc trong từng bài học.

- Biết cách sử dụng SGK.

b. Nội dung : GV sử dụng các PP và KTDH tích cực. HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập, trao đổi , chia sẻ nội dung tìm hiểu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

| * Hoạt động của GV và HS | * Nội dung cần đạt |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung học đọc**  **Bước 1**: **Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS thảo luận nhóm học tập thống nhất và hoàn thành phiếu học tập số 1  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** :  HS thảo luận thống nhất nội dung phiếu đã chuẩn bị  GV quan sát hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm trả lời bổ sung cho nhau theo kĩ thuật công đoạn:  + Nhóm 1,2,3,4: Trả lời 4 ý câu 1  + Nhóm 5: Câu 2  + Nhóm 6: Câu 3  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**   * GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HS, chuẩn xác bằng sơ đồ tư duy phần đọc. | **NỘI DUNG SÁCH NGỮ VĂN 9**  **I. HỌC ĐỌC** |

Dự kiến sản phẩm :

**1.Đọc hiểu văn bản truyện, thơ, kịch.**

| * Thể loại * (1) | * Truyện * (2) | * Thơ * (3) | * Kịch * (4) |
| --- | --- | --- | --- |
| * Thể loại lớp 8 đã học | * - Truyện ngắn và tiểu thuyết * - Truyện lịch sử * - Truyện cười | * - Thơ 6 chữ, 7 chữ * - Thơ Đường luật | * Hài kịch |
| * Thể loại sẽ học ớp lớp 9 | * - Truyện ngắn và tiểu thuyết * - Truyện thơ Nôm * - Truyện truyền kì * - Truyện trinh thám | * - Thơ tám chữ * - Thơ tự do * - Thơ song thất lục bát. * - Thơ Đường luật | * - Bi kịch |
| * Tiểu loại mới ở lớp 9 | * - Truyện thơ Nôm * - Truyện truyền kì * - Truyện trinh thám | * - Thơ song thất lục bát * - Thơ tám chữ | * - Bi kịch |
| * Mục đích | * Đọc hiểu và phân tích được thể loại văn bản | * Đọc hiểu thể loại. Nắm được đặc điểm tiểu loại | * Đọc hiểu thể loại. Nắm được đặc điểm tiểu loại |

**2. Đọc hiểu văn bản truyện.**

| **Thể loại/ Kiểu văn bản** | **Tên văn bản** |
| --- | --- |
| * Truyện thơ Nôm | * Cảnh ngày xuân và Kiều ở lầu Ngưng Bích (trích Truyện Kiều – Nguyễn Du), Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga và Lục Vân Tiên gặp nạn (trích Truyện Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiểu). |
| * Truyện ngắn | * Làng (Kim Lân), Ông lão bên chiếc cầu (Hê-minh-uê), Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng), Chiếc lá cuối cùng  (O. Hen-ri); Những con cá cờ (Trần Đức Tiến).Người thứ bảy (Mu-ra-ka-mi), Chị tôi (Nguyễn Thị Thu Huệ). |
| * Truyện truyền kì | * Chuyện người con gái Nam Xương (Nguyễn Dữ), Dế chọi (Bồ Tùng Linh), |
| * Truyện trinh thám | * Vụ cải trang bất thành (trích Sơ-lốc Hôm – Đoi-lơ),Gói thuốc lá (Thế Lữ). |

**3. Đọc hiểu văn bản thơ.**

| * Thể loại/ Kiểu văn bản | * Tên văn bản |
| --- | --- |
| * Thơ song thất  lục bát | * Khóc Dương Khuê (Nguyễn Khuyến), Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ (trích Chinh phụ ngâm – Đặng Trần Côn), Cảnh vui của nhà nghèo (Tản Đà). |
| * Thơ Đường luật | * Sông núi nước Nam( Nam quốc sơn hà), Phò giá về kinh (Trần Quang Khải) |
| * Thơ tám chữ | * Quê hương (Tế Hanh), Chiều xuân (Anh Thơ), |
| * Thơ tự do | * Bếp lửa (Bằng Việt), Nhật kí đô thị hoá (Mai Văn Phấn), Nói với con (Y Phương). |

**4. Đọc hiểu văn bản Kịch**

| * Thể loại/ Kiểu văn bản | * Tên văn bản |
| --- | --- |
| * Bi kịch | * Sống, hay không sống? (trích Ham-lét – Sếch-xpia), Đình công và nổi dậy (trích Kim tiền – Vi Huyền Đắc), |

**5. Học đọc văn bản nghị luận; văn bản thông tin.**

| * NỘI DUNG | * Văn bản nghị luận | * Văn bản thông tin |
| --- | --- | --- |
| * Phân loại | * - Nghị luận xã hội: vai trò của sách, tự học. * - Nghị luận văn học: vẻ đẹp của tác phẩm văn học | * - Giới thiệu một danh lam thắng cảnh. * - Giới thiệu một di tích lịch sử. |
| * Những điểm cần lưu ý | * Biết trình bày, đánh giá, nhận xét vấn đề theo quan điểm khách quan và chủ quan, theo tính chất đúng- sai. | * - Thông tin cung cấp. * - Hình thức thể hiện. * - Mục đích. |

**6. Rèn luyện tiếng Việt.**

| * NỘI DUNG | * Đơn vị kiến thức | * Các loại bài tập |
| --- | --- | --- |
| * Rèn luyện tiếng Việt | * - Từ ngữ. * - Ngữ pháp. * - Hoạt động giao tiếp. * - Sự phát triển ngôn ngữ. | * - Bài tập nhận biết các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt. * - Bài tập phân tích tác dụng của các hiện tượng đơn vị tiếng Việt. * - Bài tập tạo lập đơn vị tiếng Việt. |

**HOẠT ĐỘNG 2.2: TÌM HIỂU NỘI DUNG II: VIẾT**

**a. Mục tiêu:** Học sinh nắm được các nội dung học viết trong chương trình Ngữ văn 9

**b. Nội dung:** HS trả lời cá nhân câu hỏi tìm ý

**c. Sản phẩm:** Nội dung trả lời cảu học sinh về nội dung cụ thể từng kiểu văn bản

**d.Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Yêu cầu HS đọc phần học Viết và trả lời câu hỏi**

(1) SGK 9 rèn cho các em các kiểu văn bản nào? Nội dung cụ thể của mỗi mỗi kiểu văn bản?

(2) Những yêu cầu về quy trình và kiểu văn bản nào tiếp tục được rèn luyện ở lớp 9 là gì?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Học sinh làm việc cá nhân- đọc SGK suy nghĩ trả lời câu hỏi.

GV quan sát, nhắc nhở HS đọc SGK tìm thông tin

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** 1- 2 học sinh trả lời

- HS khác nghe báo cáo kết quả

- GV góp ý hướng HS đến những kiểu văn bản chính

**Bước 4: Đánh giá, kết luận.**

- GV nhận xét và lưu ý học sinh khi viết các văn bản có quan hệ với đọc hiểu

**Dự kiến sản phẩm**

| * Kiểu văn bản | * Yêu cầu cần đạt |
| --- | --- |
| * Tự sự | * Viết được truyện kể sáng tạo có mô phỏng một truyện kể đã được học. Sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm. |
| * Biểu cảm | * Viết được bài thơ tám chữ. Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ tám chữ. |
| * Thuyết minh | * Viết được văn bản thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử ( có dử dụng sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa) |
| * Nghị luận | * Viết được văn bản phân tích một tác phẩm văn học: phân tích về chủ đề, nghệ thuật… |
| * Nhật dụng | * Viết được văn bản quảng cáo, tờ rơi…kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. |

**HOẠT ĐỘNG 2.3. TÌM HIỂU NỘI DUNG III. NÓI VÀ NGHE**

1. **Mục tiêu:** Học sinh nắm yêu cầu của các kĩ năng nói và nghe
2. **Nội dung:** Học sinh tìm hiểu cá nhân nội dung nói và nghe
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh
4. **Tổ chức hoạt động:**

| * NỘI DUNG | * Kiểu bài | | * Yêu cầu cần đạt |
| --- | --- | --- | --- |
| * Phần học nói- nghe | * Nói | * -Kể một câu chuyện tưởng tượng. * -Trình bày ý kiến về vấn đề có tính thời sự. * - Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử. | * -Kể chuyện tưởng tượng ( cốt truyện, bối cảnh, nhân vật…). * - Thuyết minh ( kết hợp được các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ với các hình thức thức bảng biểu, tờ rơi, hình ảnh…) |
| * Nghe |  | * Chỉ ra tính thuyết thuyết phục của 1 vấn đề hoặc những ưu điểm, hạn chế. |
| * Nói – nghe tương tác |  | * Biết thảo luận, đánh giá, nhận xét về 1 vấn đề… |

**. Tìm hiểu cấu trúc SGK ngữ văn 9**

**a. Mục tiêu**: Nhận biết được cấu trúc của SGK ngữ văn 9 và cấu trúc của mỗi bài học và nhiệm vụ học sinh cần thực hiện trong bài học.

**b. Nội dung:** Dùng kĩ thuật hỏi đápGV yêu cầu HS tìm hiểu số bài học tronng bài và các phần chính trong từng bài học:

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhận biết của HS

**b. Tổ chức hoạt động:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  (1) Sách giáo khoa có bao nhiêu bài học chính? Mỗi bài học có cấu trúc như thế nào?  (2) Nhiệm vụ mà các em cần thực hiện ở lớp và ở nhà trong mỗi bài học là gì? Tại sao cần biết cấu trúc sách trước khi đọc?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát, đọc SGK tìm kiến thức  - GV đôn đốc, nhắc nhở học sinh thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS nêu kết quả tìm hiểu của bản thân, bổ sung ý kiến  - Giáo viên giúp đỡ, hướng dẫn hs đi đến thống nhất  - Định hướng SP của HS theo SGK/1  **Bước 4: Đánh giá, kết luận.**  - HS đánh giá, bổ sung cho bạn  - Giáo viên đánh giá, khắc sâu hiểu biết cho HS về cấu trúc của SGK đều hướng tới các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.  - Nắm cấu túc của sách để nắm vững hơn nhiệm vụ trong quá trình học tập | **CẤU TRÚC SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 9**  1. Bài học và cấu trúc từng bài:  - SGK Ngữ văn 9 ngoài *Bài mở đầu* có 10 bài học chính.  Số bài học chính: 10 bài  - Mỗi bài học được cấu trúc như sau:   | **Các phần của bài học** | **Nhiệm vụ của HS** | | --- | --- | | **Yêu cầu cần đạt** | + Đọc trước khi học để có định hướng đúng  + Đọc sau khi học để tự đánh giá | | **Kiến thức ngữ văn** | + Đọc trước khi học để có kiến thức làm văn khi thực hành.  + Vận dụng trong quá trình thực hành | | **Đọc hiểu văn bản**  + Tên văn bản  + Chuẩn bị  + Đọc hiểu | **+** Tìm hiểu thông tin về thể loại bối cảnh, tác giả, tác phẩm…  + Đọc trực tiếp văn bản, các câu gợi ý ở bên phải và chú thích ở chân trang.  + Trả lời câu hỏi đọc hiểu  + Làm bài tập thực hành Tiếng Việt | | **Thực hành Tiếng Việt** | Làm bài tập thực hành Tiếng Việt | | **Thực hành đọc hiểu** | Đọc hiểu văn bản tương tự về thể loại và kiểu văn bản đã học. | | **Viết**  -Định hướng  - Thực hành | + Đọc định hướng viết  + Làm bài tập thực hành viết | | **Nói và nghe**  -Định hướng  -Thực hành | + Đọc định hướng nói và nghe  + Làm bài tập thực hành nói và nghe | | **Tự đánh giá** | Tự đánh giá kết quả đọc hiểu và viết thông qua các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận về một văn bản tương tự văn bản đã học. | | **Hướng dẫn tự học** | Đọc mở rộng theo gợi ý  Thu thập tư liệu liên quan đến bài học. |   2. Nhiệm vụ của học sinh:  - Đọc trước khi học để có định hướng đúng.  - Đọc sau khi học để tự đánh giá.  - Đọc ở nhà và vận dụng khi học trên lớp.  - Tìm hiểu thông tin về bối cảnh, tác giả, tác phẩm...  - Đọc trực tiếp văn bản và chủ ý các hướng dẫn đọc bên phải, xem chú thích cuối trang.  - Trả lời câu hỏi đọc hiểu. Đọc kiến thức tiếng Việt ở phần Kiến thức ngữ văn và làm bài tập thực hành tiếng Việt.  - Đọc định hướng viết.  - Làm các bài tập thực hành viết.  - Đọc định hướng nói và nghe.  - Làm bài tập thực hành nói và nghe.  - Tự đánh giá kết quả đọc hiểu, viết thông qua đọc và trả lời các câu hỏi về một văn bản tương tự đã học.  - Đọc mở rộng theo gợi ý.  - Thu thập tư liệu liên quan đến bài học.  3. Cần biết cấu trúc sách trước khi học là:  - Cần biết cấu trúc sách trước khi học để nắm rõ mình đang học những kiến thức, gồm những phần gì, nhiệm vụ và yêu cầu của mỗi phần.  - Từ đó, em sẽ chủ động chuẩn bị trước ở nhà để lên lớp thực hành một cách tốt hơn. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng.**

***a. Mục tiêu:*** Hs biết được cấu trúc SGK, cấu trúc bài học và nhiệm vụ cần thực hiện trong từng phần từ đó xây dựng được kế hoạch, mục tiêu phù hợp với bộ môn, năng lực cá nhân.

***b.Nội dung :*** HS làm việc cá nhân hoàn thành phiếu KWL. Hs trình bày, chia sẻ kế hoạch, mục tiêu của bản thân

***c. Sản phẩm :*** Phiếu, chia sẻ của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

- GV phát phiếu cho HS.

- HS nhận phiếu và hoàn thành trong thời gian 5p.

- GV gọi 1 vài HS chia sẻ.

- Gv tổng kết nội dung và chia sẻ .

| **PHIẾU KHẢO SÁT** | | |
| --- | --- | --- |
| **Điểm mới và khó trong chương trình SGK Ngữ văn 9** | **Mục tiêu đề ra với môn học và định hướng tới thi vào 10.** | **Kế hoạch – Giải pháp.** |
|  |  |  |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

-Tìm hiểu về thể thơ song thất lục bát: số câu, chữ; gieo vần; nhịp..( Xem lại đặc điểm thơ Đường luật lớp 8).

- Đọc trước văn bản Sông núi nước Nam ( cách đọc, tìm hiểu hộp chỉ dẫn…)

- Tìm hiểu thông tin về bối cảnh ra đời của bài thơ. Trả lời câu hỏi cuối văn bản.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: TUẦN 2 TIẾT 3, 4

08 - 9 - 24

**VĂN BẢN 1: SÔNG NÚI NƯỚC NAM**

**(Nam quốc sơn hà)**

* **Khuyết danh -**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Đọc – hiểu và phân tích thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật chữ Hán qua bản dịch tiếng Việt.

- Hiểu được những lí lẽ của tác giả đưa ra để khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền trước kẻ thù xâm lược.

- Phân tích nội dung và các yếu tố hình thức nổi bật của bài thơ. Chỉ ra một quan hệ giữa hình thức và nội dung; từ đó làm rõ giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm.

- Nhận thức được ý nghĩa, giá trị và sự tác động của tác phẩm đối với người đọc cũng như với bản thân.

**2. Năng lực.**

- Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,…

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục lòng tự hào về truyền thống ngoại xâm kiên cường của cha ông.

- Giáo dục HS ý thức dân tộc và lòng yêu tổ quốc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng,...

+ Học liệu: Tranh, ảnh...

+ Phiếu học tập.

**2. Học sinh**

- Đọc phần Kiến thức Ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc - hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi *Ngược dòng lịch sử*.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ**

**Trò chơi:** *Ngược dòng lịch sử*

**Cách chơi**: Giáo viên sẽ đưa ra câu hỏi trên màn hình máy tính, học sinh có 30 giây theo dõi câu hỏi và giơ tay giành quyền trả lời. Kết thúc trò chơi, HS nào có câu trả lời đúng sẽ được thưởng điểm hoặc nhận quà.

**Câu 1:** Đất nước ta trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước?

- Hơn 4000 năm.

**Câu 2**: Kể tên một số vị anh hùng dân tộc có công dựng nước và giữ nước?

**Đáp án:** Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lí Thường Kiệt, …

**Câu 3:** Đây là hình ảnh minh hoạ vị anh hùng và đội quân của ông đã chiến thắng quân Tống trên sông Như Nguyệt. Ông là ai?



**Đáp án:** Lí Thường Kiệt.

**Câu 4:** Kẻ thù đô hộ nước ta gần 1000 năm là?

**Đáp án:** Phương Bắc (Trung Quốc).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS tham gia chơi.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

GV giới thiệu bài học và cho học sinh xem đoạn video về chiến thắng quân tống trên sông Như Nguyệt. (link: https://youtu.be/UhP8URWZ5tU?si=9rryw0y3HDE33Qtj).

*Chiến thắng quân Tống trên sông Như Nguyệt là một trong những chiến thắng có bước ngoặt lịch sử, đánh dấu một giai đoạn độc lập của dân tộc ta khi đánh tan quân xâm lược phương Bắc. Sau chiến thắng, trong không khí hào hùng, có một bài thơ được xem là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc chúng ta đã vang lên nhằm khẳng định chủ quyền lãnh thổ cũng như bày tỏ lòng quyết tâm đối với kẻ thù xâm lược rằng: dân tộc Việt Nam sẽ kiên quyết giữ vững nền độc lập này, bất cứ một kẻ thù nào có ý đồ xâm lược đều phải trả giá. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu nội dung của* ***Bản tuyên ngôn độc lập lần thứ*** *nhất này.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| --- | --- |
| **2.1 Giới thiệu bài học** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần *Kiến thức Ngữ văn* (SGK/tr.13) và cho biết:  *1) Nêu tên các văn bản được tìm hiểu ở bài 1?*  *2) Các VB đọc chủ yếu thuộc thể loại gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trả lời câu hỏi của GV.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học.  - GV dẫn dắt giới thiệu vào phần khám phá kiến thức ngữ văn của bài học. | **- VB đọc chính:**  + VB1: *Sông núi nước Nam* (*Nam quốc sơn hà*)  + VB2: *Khóc Dương Khuê* (Nguyễn Khuyến)  + VB thực hành đọc: *Phò giá về kinh* (*Tụng giá hoàn kinh sư* - Trần Quang Khải);  + *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ* (Trích *Chinh phụ ngâm*- Đặng Trần Côn)  **- Thể loại chính:** Thơ song thất lục bát. |

**2.2. Tìm hiểu kiến thức Ngữ văn về thể loại văn bản thơ song thất lục bát.**

**a. Mục tiêu**: - Nhận biết được một số yếu tố về thi luật của thể thơ song thất lục bát như: số dòng, số chữ, vần, nhịp trong một khổ thơ.

- Phân biệt được sự khác nhau giữa thơ song thất lục bát với thơ lục bát.

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về những đặc điểm của thể loại.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| --- | --- |
| **NV1: Tìm hiểu về thể thơ song thất lục bát:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV yêu cầu HS theo dõi SGK trn13-14, đọc thầm phần *Kiến thức ngữ văn* và trình bày các thông tin đã chuẩn bị  Hình thức: cặp đôi chia sẻ để hoàn thành **phiếu học tập 01. (Phụ lục)**  HS nêu ví dụ và thực hiện phiếu học tập số 01  GV chiếu phiếu học tập 01.  Yêu cầu HS thực hiện  *Vậy thế nào là thể thơ song thất lục bát?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT, chia sẻ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS lên trình bày kết quả, chia sẻ hiểu biết bản thân.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV chốt một vài đặc trưng của thể thơ song thất lục bát.  **NV2: So sánh, phân biệt sự khác nhau giữa thơ song thất lục bát với thơ lục bát.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Hình thức: HS làm việc nhóm.  -GV hướng dẫn HS tìm hiểu kiến thức ngữ văn thông qua hai yêu cầu sau:  + Nêu những điểm giống nhau của hai thể thơ.  + Nêu những điểm khác nhau của hai thể thơ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm HS đọc Kiến thức Ngữ văn, thảo luận và trả lời các yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện 1 nhóm trình bày kết quả nhóm mình.  - Các nhóm khác bổ sung, nhận xét.  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **A. KIẾN THỨC NGỮ VĂN**  **1. Thơ song thất lục bát.**  a. Khái niệm:  - Là thể thơ kết hợp giữa thơ thất ngôn và thơ lục bát; mỗi khổ gồm bốn dòng thơ: một cặp thất ngôn và một cặp lục bát, tạo thành một kết cấu trọn vẹn về ý cũng như về âm thanh, nhạc điệu.  b. Đặc điểm về vần, nhịp:  - Gieo vần: Mỗi khổ thơ có một vần trắc và ba vần bằng; câu sáu chỉ có vần chân, ba câu kia vừa có vần chân, vừa có vần lưng.  - Ngắt nhịp: Các câu bảy có thể ngắt nhịp 3/4 hoặc 3/2/2, hai câu sáu - tám ngắt theo thể lục bát.  **2. So sánh, phân biệt sự khác nhau giữa thơ song thất lục bát với thơ lục bát.**  **- Những điểm giống nhau của hai thể thơ.**  + Cả hai đều là những thể thơ dân tộc xuất phát từ văn học dân gian.  + Đều phát triển đến đỉnh cao nghệ thuật trong văn học viết.  **- Những điểm khác nhau của hai thể thơ:**  + Thể thơ lục bát: với sự tiếp nối liên tục của câu lục và câu bát ngoài việc tạo nên những bài thơ vừa và ngắn, còn có khả năng kể những câu chuyện dài, bao quát một khoảng thời gian và không gian rộng lớn với nhiều sự kiện, nhiều nhân vật. Ví dụ như trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, …  + Thể song thất lục bát lại là sự kết hợp giữa câu song thất kể sự việc và câu lục bát thiên về cảm thán, giãi bày. Tác phẩm viết theo thể thơ này thường chỉ có một nhân vật trữ tình trong khung cảnh thời gian và không gian hạn hẹp. Ví dụ: Trong *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn, chỉ có một nhân vật trữ tình là người chinh phụ chốn phòng the, … Thể thơ này thích hợp diễn tả đời sống nội tâm nhân vật với cảm hứng trữ tình bi thương, có khả năg biểu lộ một cách tinh tế những dòng suy nghĩ dồn nén với tâm trạng nhớ tiếc và mong đợi. Đây là thể thơ kết hợp được nhiều phẩm chất thẩm mĩ của tiếng Việt, dồi dào nhạc điệu, trong đó nổi bật ở âm điệu buồn thương triền miên, phù hợp để ngâm ngợi. |

**B. VĂN BẢN: SÔNG NÚI NƯỚC NAM**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, đề tài

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, phương pháp hoạt động nhóm, dự án.

- HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.

**c. Sản phẩm**

Sản phẩm của HS và câu trả lời.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| --- | --- |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhiệm vụ 1:** *Thực hiện dự án ở nhà để trình bày hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm.*  **Nhiệm vụ 2:** *GV hướng dẫn đọc.*  - Giọng chậm rãi, chắc, hào hùng, đanh thép, hứng khởi.  - Gv hướng dẫn HS đọc phiên âm - dịch nghĩa - dịch thơ.  Nhiệm vụ 3: *nêu đề tài của văn bản*  (? Qua các tài liệu đã tìm hiểu, hãy trình bày bối cảnh xuất hiện bài *Sông núi nước Nam* và cho biết: Vì sao bài thơ được gọi là *Thơ thần*?  ? Bài thơ được coi là bản tuyên ngôn độc lập, vậy em hiểu tuyên ngôn độc lập là gì?)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hs về nhà chuẩn bị theo nhóm đã được phân công.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  Hs báo cáo dựa trên sản phẩm đã chuẩn bị.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  - Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  **Gv bổ sung:**  - Bài thơ từng được coi là **bài thơ thần** (do thần sáng tác) - Thần linh hóa tác phẩm văn học nhằm nâng ý nghĩa thiêng liêng của nó.  - Nó được coi là *bản tuyên ngôn độc lập* đầu tiên của nước ta vì nó là văn bản đầu tiên tuyên bố về chủ quyền lãnh thổ của nước Nam.  **- Chữ viết:** *Nam Quốc Sơn Hà* - nguyên văn bài thơ chữ Hán.  ***- Xuất xứ:*** Là bài thơ tương truyền Lí Thường Kiệt đã đọc để cổ vũ tướng sĩ khi chống Tống ở sông Như Nguyệt năm 1076.  **- *Thể loại:*** Bài thơ viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt:  Toàn bài có 4 câu.  Mỗi câu có 7 chữ.  Vần “*ư”* hiệp ở chữ cuối của câu 1-2- 4. | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả**  - Chưa rõ ràng.  - Có tài liệu ghi là: Lý Thường Kiệt.  **2. Tác phẩm**  **a. Xuất xứ**:  - Sách *Lĩnh Nam trích quái* ghi lại nguồn gốc ra đời bài thơ: Năm 981, Lê Đại Hành trong cuộc kháng chiến chống Tống đã được hai vị thần sông Như Nguyệt (sông Cầu) là Trương Hống, Trương Hát phù trợ, ngâm bài thơ giữa không trung khiến quân giặc tan vỡ.  - Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* chép lại: năm 1076, Lý Thường Kiệt lập phòng tuyến trên sông Như Nguyệt đánh quân Tống xâm lược, một đêm quân sĩ nghe thấy trong đền tiếng thần ngâm thơ. Quả nhiên quân Tống thảm bại đúng như lời thơ.  **b. Thể loại**: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật với 4 câu mỗi câu 7 chữ. Các câu 1, 2 và 4 hoặc chỉ có câu 2 và 4 là hiệp vần với nhau ở chữ cuối.  **c. Đề tài**  Được xem là bản **tuyên ngôn độc lập** đầu tiên của dân tộc, tuyên bố về chủ quyền lãnh thổ. |

**II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**

**a. Mục tiêu:**

- Giúp HS phát triển kĩ năng đọc VB thơ viết bằng chữ Hán. Nắm được nội dung, nghệ thuật nổi bật của bài thơ.

- HS nắm được tinh thần độc lập, khí thế hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc ta.

**b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **NHIỆM VỤ 1:Những lí lẽ để khẳng định chủ quyền dân tộc**  - Giáo viên yêu cầu HS trả lời CH:  1. Chủ quyền được tuyên bố trên những cơ sở nào? Có sức thuyết phục không? Tại sao?  2. Thực hiện hoàn thành phiếu học tập.  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh suy nghĩ trả lời và hoàn thành yêu cầu trên phiếu.  - Giáo viên nghe và nhận xét.  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trả lời miệng.  - Nhóm khác theo dõi.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  *→*  Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  **GV khắc sâu kiến thức:**  **- CH:** Nếu câu thơ đầu nhấn mạnh chân lý do con người quy định thì câu thơ thứ mang tính chất thần linh chủ nghĩa.  **Gv mở rộng, liên hệ với** *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi - tuyên ngôn độc lập thứ hai và *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chí Minh để thấy “NQSH” là tác phẩm có vai trò khơi mạch nguồn ý thức độc lập tự chủ, tinh thần tự cường, tự tôn dân tộc và ý chí sắt đá quyết giữ vững nền độc lập DT.  **NHIỆM VỤ 2*: Ý chí bảo vệ chủ quyền của dân tộc***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI TẠI BÀN**  - Giáo viên đặt câu hỏi  *1/ Nhận xét về cách diễn đạt ở câu 3 ?*  *2/ Câu thơ 4 khẳng định điều gì? Có mối liên hệ như thế nào với 3 câu trên?*  *3/ Nhận xét về nhịp điệu, giọng thơ trong 2 câu cuối?*  - Học sinh tiếp nhận nghe và trả lời.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh suy nghĩ câu trả lời.  - Giáo viên quan sát, hỗ trợ.  - Dự kiến sản phẩm:  1/ Câu 3 là một câu hỏi tu từ để làm tiền đề cho khẳng định ở câu 4. Câu hỏi thể hiện sự ngạc nhiên và tức giận về sự ngang ngược, tàn bạo của giặc.  2/ Câu 4 khẳng định sự thất bại đau đớn, thảm hại của kẻ đi xâm lược.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **-** HS trả lời.  - HS khác lắng nghe để bổ sung ý kiến.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung, gợi dẫn:  ***\*Ý 1 câu 3: Mang hình thức của một câu hỏi tu từ, từng lời đều chất chứa sự ngạc nhiên, căm phẫn, khinh bỉ đến tột độ. Vậy cảm xúc ấy được thể hiện cụ thể như thế nào trong câu thơ thứ 3?***  + “Như hà”- nghĩa là “cớ sao”- làm sao->biểu thị sự ngạc nhiên trước hành động ngông cuồng, đi ngược lại chân lý, ý trời.  + “Nghịch” là trái ngược, phản lại ý trời, không tuân theo sự sắp đặt của tạo hóa.  + “Lỗ” – bọn mọi rợ-> biểu thị sự khinh miệt, căm phẫn.  + Xâm phạm – xâm lược nước ta.  -> chỉ đích danh hành động tàn ác của chúng. | **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**  **1. Hai câu đầu: Khẳng định chủ quyền dân tộc.**  **- Chủ quyền được tuyên bố dựa trên những cơ sở đầy thuyết phục:**  + ***Đất nước có biên giới, lãnh thổ:*** Sông núi nước Nam vua Nam ở. Đây là điều tất yếu, hiển nhiên, là bằng chứng thực tế không thể nào chối cãi. Vua Nam ở trên đất Nam, không xâm phạm bờ cõi của bất cứ quốc gia nào.  + ***Nước có vua trị vì, nước là của vua.*** Đây là căn nguyên, gốc rễ của tư tưởng « trung quân ái quốc » rất phổ biến thời trung đại.  ***+ Chủ quyền được ghi rõ trong sách trời.*** Đây là cơ sở cao nhất để khẳng định chủ quyền bởi Trời là đấng tối cao trong tín ngưỡng, tâm linh của người xưa.  => Chủ quyền được tác giả tuyên bố dựa trên những lí lẽ, cơ sở đầy sức thuyết phục.***Thuận thiên, hợp nhân là bất di bất dịch.*** Nó tồn tại như một chân lý khách quan không thể chối cãi, không thể không công nhận.  **- Cách tuyên bố chủ quyền:**  ***+ Cách sử dụng từ ngữ:***  ++ Cách xưng *Đế*. Đế là vua; *Vươn*g: vua; nhưng *đế* được coi là lớn hơn *vương*. Vậy chữ *đế* trong lời thơ có ý tôn vinh vua nước Nam, sánh ngang với các hoàng đế Trung Hoa.  =>Thể hiện niềm tự hào tinh thần tự cường, tự tôn dân tộc.  ++ ***Tiệt nhiên:*** rõ rệt, rành rành  ++ ***Định phận:*** là định phần, phần nào ra phần đấy.  ++ ***Thiên thư:*** sách trời (ý nói tạo hóa)- niềm tin thiêng liêng, bất di bất dịch vào Trời- đấng tối cao.  => Từ ngữ chắc nịch, thể hiện thái độ đầy tự tin, chắc chắn của người nói khi đưa ra những chứng cớ đầy sức thuyết phục về chủ quyền dân tộc.  ***+******Âm hưởng, giọng điệu:***  **++** Câu 1: lặp hai lần chữ Nam – *Nam quốc, Nam đế* vừa có tác dụng nhấn mạnh, vừa thể hiện niềm tự hào của người nói.  ++ Câu 2: 4 thanh trắc đều dùng dấu nặng trên cùng 1 dòng thơ (câu 2), tạo sức nặng cho câu thơ, khẳng định chủ quyền chắc nịch của dân tộc là bất di bất dịch, là tất yếu, hiển nhiên.  -> Giọng thơ mạnh mẽ, khỏe khoắn, mang âm hưởng hào sảng, hùng hồn.  **\* Tóm lại: Hai câu thơ đầu với:**  - Lí lẽ, bằng chứng chắc chắn, đầy tự tin.  - Giọng điệu: Mạnh mẽ, đanh thép, hùng hồn diễn tả sự vững vàng của tư tưởng và niềm tin sắt đá vào chân lí.  *⇒ Khẳng định nước Nam là một nước có độc lập, có chủ quyền, có lãnh thổ riêng. Đó là một sự thật hiển nhiên, không thể thay đổi.*  **2. Hai câu cuối: Ý chí bảo vệ chủ quyền của dân tộc**  **\*Câu 3:** **Phơi bày tội ác của giặc**  ***- Mang hình thức của một câu hỏi tu từ, từng lời đều chất chứa sự ngạc nhiên, căm phẫn, khinh bỉ đến tột độ.***  ***- Sắc thái ý nghĩa của câu hỏi tu từ:***  + Thể hiện sự ngạc nhiên vì chúng tự xưng là thiên triều nhưng lại dám làm trái mệnh trời.  + Thể hiện sự khinh bỉ: vì chúng tự xưng là nước có nền văn hiến hàng đầu, là Trung Hoa, tinh hoa của mọi dân tộc lại có hành động như kẻ mọi rợ, ỷ mạnh hiếp yếu.  **=>** Giọng thơ hùng hồn, lời thơ dõng dạc vừa tố cáo dã tâm xâm lược của bọn giặc ngông cuồng vừa bày tỏ thái độ căm phẫn, khinh miệt bọn xâm lược liều lĩnh, phi nghĩa.  **\*Câu 4 :** **Lời tuyên bố, cảnh cáo kẻ thù**  - Lời cảnh báo: khẳng định sự thất bại tất yếu của kẻ thù nếu chúng cố tình xâm lược nước ta. Qua đó:  + Khẳng định quyết tâm bảo vệ độc lập, chủ quyền lãnh thổ trước mọi kẻ thù xâm lược.  + Nêu ra chân lí thời đại: có áp bức – có đấu tranh.  - Cách cảnh báo:  + Lời lẽ, giọng điệu mạnh mẽ, dứt khoát, hùng hồn: cách ngắt nhịp 4/3; sử dụng động từ + tính từ mạnh: *thủ* - nhận lấy; *bại* - hỏng; *hư* - trống không, không còn gì.  + Gọi đích danh kẻ xâm lược và chỉ ra kết cục thê thảm mà chúng sẽ phải chuốc lấy.  => Không đưa ra câu trả lời trực tiếp cho câu hỏi được đặt ra ở câu thứ 3 mà báo trước cho chúng kết cục thê thảm, tất yếu của những kẻ cố tình đi ngược với ý trời, lòng người.  **3/ Thái độ, tình cảm của tác giả**  ***- Với non sông, đất nước:***  + Tự hào về độc lập chủ quyền của dân tộc.  + Lòng quyết tâm bằng mọi giá bảo vệ chủ quyền.  ***- Với kẻ thù xâm lược:*** Sự căm phẫn, khinh bỉ và quyết chiến đấu đánh bại mọi kẻ thù xâm lược. |

**2.3. Hướng dẫn HS tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS đánh giá tổng kết, rút ra được những điểm đặc sắc về nghệ thuật và nội dung VB.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân, HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên đặt câu hỏi  1. Nêu những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ.  2.Khi đọc một bài thơ thể Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, đồng thời là một văn bản chính luận - Tuyên ngôn độc lập, theo em cần chú ý điều gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu 1: Học sinh hoạt động cá nhân  - Yêu cầu 2: HS thảo luận cặp đôi, trao đổi, thống nhất ý kiến.  - Giáo viên quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  Đại diện HS trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  GV có thể yêu cầu HS rút ra bài học cho thế hệ sau:  Nền độc lập dân tộc của chúng ta không dễ gì có được, vì ta phải quyết tâm giữ vững chủ quyền lãnh thổ đó. | **IV. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Ngắt nhịp 4/3, giọng thơ dõng dạc, đanh thép.  - Lí lẽ sắc bén, đầy sức thuyết phục.  **2. Nội dung**  - Là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên.  - Khẳng định chủ quyền của đất nước.  - Niềm tự hào dân tộc: Tự hào về truyền thống đấu tranh giữ nước của ông cha ta.  - Tin tưởng vào sự bền vững của độc lập dân tộc.  **3. Cách đọc một bài thơ thể Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, đồng thời là một văn bản chính luận - Tuyên ngôn độc lập**  ***\* Bài thơ Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật***  - Hiểu được nội dung cảm xúc trong bài thơ.  - Thấy được những nét đặc trưng thể thơ: niêm, luật, vần, ngắt nhịp.  - Bám sát nguyên bản khi muốn phân tích các yếu tố từ ngữ.  ***\* Văn bản chính luận – Tuyên ngôn độc lập***  - Nhận ra được *mạch lập luận chặt chẽ*, lí sẽ sắc bén, chứng cứ thuyết phục:  + Câu 1,2: Khẳng định chân lí tất yếu, khách quan, hợp lòng người, ý trời.  + Câu 3: Hành động trái với lòng người, ý trời.  + Câu 4: Hậu quả tất yếu của việc đi ngược lại chân lí, lẽ phải.   * Giọng điệu: mạnh mẽ, đanh thép, hào hùng. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3 - LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**:GiúpHS củng cố kiến thức bài học.

**b. Nội dung**: HS vận dụng kiến thức bài học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Trò chơi: Ong non học việc**

**Câu 1.** Bài *Sông núi nước Nam* thường được gọi là gì?

A. Hồi kèn xung trận.

B. Áng thiên cổ hùng văn.

C. Khúc ca khải hoàn.

D. Bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên.

**Câu 2**. Bài *Sông núi nước Nam* được làm theo thể thơ

A. Thất ngôn bát cú.

B. Thất ngôn tứ tuyệt.

C. Ngũ ngôn.

D. Song thất lục bát.

**Câu 3.** Bài thơ được ra đời trong cuộc kháng chiến nào?

A. Ngô Quyền đánh quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.

B. Trần Quang Khải chống giặc Mông - Nguyên ở bến Chương Dương.

C. Lí Thường Kiệt chống quân Tống trên sông Như Nguyệt năm 1077

D. Quang Trung đại phá quân Thanh.

**Câu 4.** Bài thơ đã nêu bật nội dung gì*?*

A. Nước Nam là nước có chủ quyền và không một kẻ thù nào xâm phạm được.

B. Nước Nam là một đất nước văn hiến.

C. Nước Nam rộng lớn và hùng mạnh

D. Nước Nam có nhiều anh hùng sẽ đánh tan giặc ngoại xâm.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh làm nhiệm vụ.

- Giáo viên quan sát, hỗ trợ HS.

- Dự kiến sản phẩm: câu trả lời của HS

| 1D | 2B | 3C | 4A |
| --- | --- | --- | --- |

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

Câu trả lời củaHS.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

**4. HOẠT ĐỘNG 4 - VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**:HS vận dụng kiến thức bài học trình bày hiểu biết để thực hiện nhiệm vụ.

**b. Nội dung**: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên:

*Sống trong xã hội ngày nay em có suy nghĩ gì về những chiến công hiển hách của cha ông? Em thấy cần phải làm gì cho đất nước ?*

- Học sinh tiếp nhận.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: Thực hiện theo yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài và làm bài tập.

- Chuẩn bị bài mới: soạn bài “Khóc Dương Khuê” của Nguyễn Khuyến.

**PHỤ LỤC**

**PHIẾU HỌC TẬP**

| **Hai câu thơ đầu: Lời tuyên bố về chủ quyền của đất nước** | |
| --- | --- |
| Dựa vào chú thích 1 hãy làm rõ nghĩa chữ *đế* trong *Nam đế cư* ? | ................................................................................................  ................................................................................................................................................................................................ |
| Nội dung của câu thơ 1 là gì? | ................................................................................................  ................................................................................................................................................................................................ |
| Câu thơ 2 có nghĩa như thế nào? | ................................................................................................  ................................................................................................................................................................................................ |
| ? Nhận xét về âm điệu của cả hai câu thơ.  ? Âm điệu đó có tác dụng gì trong việc diễn tả cảm xúc về chủ quyền? | ................................................................................................  ................................................................................................................................................................................................  ................................................................................................  ................................................................................................................................................................................................ |
| ? Người viết đã bộc lộ tình cảm gì trong lời thơ này? | ................................................................................................  ................................................................................................................................................................................................ |